

# THỰC TRẠNG SỨC KHỎE TÂM THẦN HẬU COVID-19 CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Minh<sup>(1)</sup>

## Tóm tắt:

Sử dụng thang đo WHO-5 Well-being Index và SDQ, chúng tôi đã đánh giá được thực trạng sức khỏe tâm thần (SKTT) hậu Covid-19 của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội. Kết quả cho thấy, đa số sinh viên không có dấu hiệu trầm cảm khi sử dụng thang đo WHO-5, nhưng khi sử dụng SDQ thì số lượng sinh viên nằm trong khoảng ranh giới và có rối loạn lại cao hơn nhóm không có rối loạn.

**Từ khóa:** Sức khỏe, tâm thần, hậu covid-19, sinh viên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

## Post-Covid-19 mental health status of students at Vietnam National University, Hanoi

### Summary:

Using the WHO-5 Well-being Index and SDQ scale, we assessed the post-Covid-19 mental health status of students at Vietnam National University, Hanoi. The results showed that the majority of students showed no signs of depression when using the WHO-5 scale, but when using the SDQ, the number of students in the boundary range and having a disorder was higher than the group without the disorder

**Keywords:** Health, mental health, post-covid-19, students, Hanoi National University

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), sức khỏe tâm thần được xem là một bộ phận không thể tách rời trong định nghĩa về sức khỏe, trong đó sức khỏe tâm thần không chỉ là không bị mắc rối loạn tâm thần mà còn bao hàm trạng thái thoải mái, sự tự tin vào năng lực bản thân, tính tự chủ, năng lực và khả năng nhận biết những tiềm năng của bản thân.

Tuy nhiên, phân tích mới đây của Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (Unicef) cho thấy, đại dịch Covid-19 đã gây ra những lo ngại đáng kể đối với sức khỏe tâm thần của cả một thế hệ trẻ em và thanh thiếu niên cũng như các bậc cha mẹ và người chăm sóc. Ước tính cứ 7 thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 10 đến 19 thì có 1 người mắc chứng rối loạn tâm thần.

Đại học Quốc gia Hà Nội với phương châm lấy người học làm trung tâm, đào tạo toàn diện cả phẩm chất và năng lực nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội đang đứng trước nhiều thách thức. Đặc biệt là tình hình học tập của sinh viên những khóa bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 trong những năm qua.

Xuất phát từ thực tiễn đó, chúng tôi tiến hành tìm hiểu “Thực trạng sức khỏe tâm thần hậu covid-19 của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội”.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để giải quyết vấn đề nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn tọa đàm và phương pháp toán học thống kê.

Trong quá trình sử dụng phương pháp toán học thống kê, chúng tôi sử dụng kiểm định Anova một chiều để so sánh các giá trị trung bình thu được của các nhóm đối tượng nghiên cứu.

Để đánh giá SKTT hậu Covid-19 của đối tượng nghiên cứu, chúng tôi sử dụng thang đo WHO-5 Well-being Index và bảng hỏi về điểm mạnh và khó khăn (SDQ – Strengths and Difficulties Questionnaire).

+ Thang đo WHO-5 Well-being Index được sử dụng để sàng lọc triệu chứng trầm cảm trên diện rộng, bao gồm 5 nhận định về sức khỏe bản thân với thang đo Likert 6 mức (0= không lúc nào; 1=Đôi khi; 2 = Ít hơn nửa thời gian; 3=Hơn nửa thời gian; 4=Hầu hết thời gian; 5=Toàn thời gian). Tổng điểm thô từ 0-25, sau đó được nhân

<sup>(1)</sup>TS, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: minhnguyen@vnu.edu.vn

lên 4 thành điểm cuối cùng (0-25). Điểm càng cao thì SKTT càng tốt. Dựa vào tổng điểm, SKTT được phân thành 2 nhóm: Có dấu hiệu trầm cảm: 29-50 điểm; Không có dấu hiệu trầm cảm: 51-100 điểm.

+ Bảng hỏi SDQ có nguồn gốc từ Anh, gồm 3 loại: Tự thuật, cha mẹ báo cáo và giáo viên báo cáo. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ sử dụng bảng tự thuật với 25 câu hỏi gồm 10 nhận định về điểm mạnh, 14 điểm nhận định về điểm yếu khó khăn và 1 nhận định có tính trung lập. Mỗi câu hỏi có 3 mức độ trả lời tương ứng với 0-Không đúng; 1-Đúng một phần; 2- Chắc chắn đúng.

Bảng hỏi được chia thành 5 vấn đề, mỗi vấn đề có 5 nhận định: Tăng động giảm chú ý, vấn đề tình cảm, vấn đề hành vi, vấn đề bạn bè và vấn đề xã hội tích cực. Trong đó 4 vấn đề gồm: tăng động giảm chú ý, tình cảm, hành vi và bạn bè theo chiều âm, nghĩa là điểm càng cao thì càng có nguy cơ rối loạn được cộng chung thành điểm tổng khó khăn. Điểm giới hạn cho tổng các khó khăn được xác định là 14, từ 14-16 là khoảng ranh giới (có nguy cơ) và từ 17-40 là khoảng bất thường, có rối loạn. Đối với vấn đề

tình cảm tình cảm và tăng động giảm chú ý, điểm từ 0-5 được xác định là không có rối loạn, 6 điểm là trạng thái ranh giới; 7-10 là có rối loạn; Đối với vấn đề về hành vi: 0-3 điểm là không có rối loạn; 4 điểm là trạng thái ranh giới; 5-10 điểm là có rối loạn; Vấn đề bạn bè từ 0-3 điểm xác định là không có rối loạn; 4-5 điểm là trạng thái ranh giới; 6-10 điểm là có rối loạn; Đối với vấn đề xã hội tích cực: 10-6 điểm được xác định là không có rối loạn; 5 điểm là trạng thái ranh giới và 4-0 điểm là có rối loạn.

Đối tượng khảo sát là 384 sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội (Trường Đại học Công nghệ và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

Số liệu được thu thập theo hình thức khảo sát trực tuyến bằng Microsoft Forms chia sẻ trên các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

**1. Đặc điểm mẫu khảo sát**

Trước khi đánh giá thực trạng SKTT của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi tiến hành đánh giá đặc điểm của mẫu khảo sát. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

**Bảng 1. Đặc điểm chung của mẫu khảo sát ( n=384)**

STT	Nội dung		m <sub>i</sub>	Tỷ lệ %
1	Bạn đã từng bị mắc Covid-19	Có	380	98.96
		Không	4	1.04
2	Sức khỏe hiện nay của bạn (n=380)	Tốt	184	48.42
		Bình thường	196	51.58
		Không tốt	0	0.00
3	Nơi sống	Nông thôn	198	52.11
		Thành thị	182	47.89
4	Giới tính	Nam	165	43.42
		Nữ	215	56.58
5	Độ tuổi	19 -20	159	41.84
		21-22	221	58.16
6	Ngành học	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	86	22.63
		Ngành công nghệ thông tin	98	25.79
		Sinh học	102	26.84
		Khoa học môi trường	94	24.74
7	Tìm kiếm thông tin về Covid-19 hay các chủ đề liên quan trong 1 tháng qua không	Có	84	22.11
		Không	296	77.89

Qua bảng 1 cho thấy: Đa phần đối tượng nghiên cứu đều đã mắc Covid-19, chiếm tỷ lệ 98.96%, trong đó 100% sinh viên đều cảm thấy sức khỏe tốt và bình thường. Chúng tôi tiếp tục tìm hiểu đặc điểm của nhóm đối tượng này về giới tính, độ tuổi, nơi sống, ngành học cũng như thông tin tìm kiếm. Kết quả: Tỷ lệ sinh viên đến từ các vùng nông thôn chiếm tỷ lệ cao hơn với 52.11%, số lượng nữ chiếm tỷ lệ cao với 56.58%, đa số có độ tuổi từ 21-22 (trùng với sinh viên năm thứ ba, thứ tư). Các đối tượng nghiên cứu phân bố khá đồng đều ở các ngành học tại hai trường với tỷ lệ từ 22.63% đến 26.84%. Trong giai đoạn này, mặc dù Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích

ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” nhưng có 22.11% sinh viên vẫn chủ động tìm hiểu các thông tin về Covid-19 hay các chủ đề liên quan.

**2. Đặc điểm sức khỏe tâm thần theo thang đo WHO-5 của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội**

Kết quả kiểm tra đặc điểm sức khỏe tâm thần được thực hiện trên các đối tượng đã mắc Covid-19. Qua khảo sát trực tuyến bằng Microsoft Forms chia sẻ trên các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo, chúng tôi đã thu về được 380 phiếu, kết quả đặc điểm SKTT của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội được trình bày tại bảng 2.

**Bảng 2. Kết quả kiểm tra đặc điểm sức khỏe tâm thần của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội theo thang đo WHO-5 (n=380)**

TT	Đặc điểm đối tượng	Có dấu hiệu trầm cảm		Không có dấu hiệu trầm cảm		Trung bình điểm SKTT ( $\bar{x} \pm \delta$ )
		$m_i$	Tỷ lệ %	$m_i$	Tỷ lệ %	
1	Nam (n= 165)	18	10.91	147	89.09	72.2 ± 10.2
2	Nữ (n= 215)	38	17.67	177	82.33	70.5 ± 9.8
<b>Tổng (n=380)</b>		<b>56</b>	<b>14.74</b>	<b>324</b>	<b>85.26</b>	<b>71.35 ±11.2</b>
So sánh	$\chi^2/ t$	3.4				1.64
	<b>P</b>	>0.05				>0.05

Bảng thang đo sàng lọc trầm cảm WHO-5, kết quả thu được tại bảng 2 cho thấy: Đa số sinh viên được nghiên cứu đều không có dấu hiệu trầm cảm với tỷ lệ 85.26%. Tuy nhiên, vẫn có 14.74% sinh viên có dấu hiệu trầm cảm (điểm chấm đạt từ 29-50 điểm). Khi tính trung bình điểm SKTT của các đối tượng nghiên cứu thì đạt ở mức 71.35 ±11.2, nghĩa là không có dấu hiệu trầm cảm.

Xét về giới tính thì tỷ lệ nữ giới có dấu hiệu trầm cảm cao hơn ở nam với tỷ lệ 17.67% (nam là 10.91%). Tuy nhiên, khi sử dụng chỉ số Khi bình phương để so sánh thì cho thấy, không có sự khác biệt giữa tỷ lệ nam và nữ với  $\chi^2_{\text{tính}} < \chi^2_{\text{bảng}}$  ở ngưỡng xác suất  $P > 0.05$ .

Có thể thấy, mặc dù 100% sinh viên khi được phỏng vấn về tình hình sức khỏe đều tự đánh giá, sức khỏe bản thân ở mức tốt và bình thường, tuy nhiên, Tổ chức Y tế Thế giới đã định nghĩa, sức khỏe là trạng thái thoải mái toàn diện

về thể chất, tinh thần và xã hội chứ không phải chỉ bao gồm tình trạng không có bệnh hay thương tật, do vậy, các sinh viên có dấu hiệu trầm cảm sau khi sử dụng thang đo WHO-5 cần được quan tâm, chú ý.

**3. Đặc điểm sức khỏe tâm thần theo thang đo SDQ của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội**

Để có cái nhìn đa chiều về SKTT của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi tiếp tục sử dụng thang đo SDQ để đánh giá. Kết quả được trình bày tại bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy: Khi tính trung bình điểm của 5 nội dung trong thang đo thì có 5/5 nội dung có điểm trung bình chung nằm ở mức không có rối loạn. Khi xét riêng về từng nội dung trong thang đo thì tỷ lệ sinh viên nằm trong giới hạn không có rối loạn chiếm tỷ lệ cao nhất, từ 39.47% đến 52.11%, số lượng sinh viên có kết quả nằm trong ranh giới chiếm tỷ lệ từ 30.26% đến 39.47% và thấp nhất là tỷ lệ sinh

**Bảng 3. Kết quả kiểm tra đặc điểm sức khỏe tâm thần của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội theo thang đo SDQ (n=380)**

STT	Nội dung	Trung bình chung điểm kiểm tra ( $\bar{x} \pm \delta$ )	Kết quả					
			Không có rối loạn		Ranh giới		Có rối loạn	
			m <sub>i</sub>	Tỷ lệ %	m <sub>i</sub>	Tỷ lệ %	m <sub>i</sub>	Tỷ lệ %
1	Vấn đề tâm lý, tình cảm (0-10)	5.2 ± 0.8	150	39.47	120	31.58	110	28.95
2	Vấn đề hành vi (0-10)	3.5 ± 0.6	168	44.21	130	34.21	82	21.58
3	Vấn đề tăng động, giảm chú ý (0-10)	3.4 ± 0.74	189	49.74	150	39.47	41	10.79
4	Vấn đề bạn bè (0-10)	3.2 ± 0.4	198	52.11	120	31.58	62	16.32
5	Vấn đề xã hội tích cực (10-0)	6.1 ± 1.0	192	50.53	115	30.26	73	19.21
<b>Trung bình chung tổng điểm khó khăn (0-40)</b>		<b>5.3 ± 3.2</b>						

viên có rối loạn với nội dung tâm lý, tình cảm là 28.95%, vấn đề hành vi là 21.58% và các yếu tố khác như: Tăng động, giảm chú ý, vấn đề bạn bè, xã hội tích cực lần lượt là 10.79%, 19.21% và 16.32%. Các đối tượng thuộc nhóm ranh giới có nguy cơ và có rối loạn cần được quan tâm chặt chẽ. Khi tính tổng điểm khó khăn của 4 nội

dung: tâm lý, tình cảm; hành vi; tăng động, giảm chú ý và bạn bè thì được kết quả nằm trong khoảng ranh giới.

Tiếp đến, chúng tôi tiến hành tìm hiểu mối tương quan giữa điểm trung bình tổng điểm khó khăn của thang đo SDQ với các biến độc lập. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

**Bảng 4. Bảng so sánh điểm trung bình tổng khó khăn của thang đo SDQ theo các đặc điểm của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội**

STT	Biến so sánh		n	Trung bình chung tổng điểm khó khăn	p
1	Sức khỏe hiện tại	Tốt	184	14.5 ± 2.5	0.326
		Bình thường	196	15.3 ± 2.1	
		Không tốt	0	-	
2	Nơi sống	Nông thôn	198	16.2±2.6	0.042
		Thành thị	182	14.5±3.1	
3	Giới tính	Nam	165	14.6±2.8	0.046
		Nữ	215	16.1±3.4	
4	Độ tuổi	19-20	159	14.2±2.0	0.047
		21-22	221	16.8±2.3	
5	Ngành học	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	86	14.2±2.1	0.941
		Ngành công nghệ thông tin	98	14.7±2.0	
		Sinh học	102	14.3±2.3	
		Khoa học môi trường	94	14.1±3.1	
6	Tìm kiếm thông tin về Covid-19 hay các chủ đề liên quan trong 1 tháng qua	Có	84	16.2±2.8	0.046
		Không	296	14.6±2.4	



**Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng mạnh tới toàn bộ các hoạt động của người dân tại hầu hết các quốc gia trên thế giới**

Bằng phương pháp kiểm định Anova một chiều, kết quả bảng 4 cho thấy: Không có sự khác biệt về Trung bình chung tổng điểm khó khăn của các nhóm theo các đặc điểm sức khỏe hiện tại và ngành học, thể hiện ở giá trị  $P > 0.05$ . Như vậy, có nghĩa là dù sinh viên có đánh giá sức khỏe tốt hay bình thường và học ở ngành nào thì cũng không có sự khác biệt về trung bình chung tổng điểm khó khăn. Đối với các đặc điểm về nơi sống, giới tính, độ tuổi và mức độ thường xuyên tìm kiếm thông tin về Covid-19 thì có sự khác biệt về điểm trung bình chung có ý nghĩa thống kê với  $p < 0.05$ . Trong đó: Những sinh viên sinh sống ở nông thôn; sinh viên nữ; sinh viên ở độ tuổi 21-22 và sinh viên thường xuyên tìm kiếm thông tin về Covid-19 có trung bình chung tổng điểm khó khăn cao hơn so với các đối tượng có cùng đặc điểm và có xu hướng nguy cơ có rối loạn cao hơn.

**KẾT LUẬN**

Đa số đối tượng nghiên cứu đều đã bị mắc Covid-19, tỷ lệ nữ giới cao hơn nam và số lượng sinh viên thuộc các ngành học tương đối đồng đều. Sử dụng thang đo WHO-5 đánh giá sơ bộ về đặc điểm SKTT cho thấy, đa số sinh viên không có dấu hiệu trầm cảm, tuy nhiên, vẫn còn một số ít sinh viên có dấu hiệu trầm cảm và tỷ

lệ nữ giới cao hơn nam. Tuy nhiên, khi sử dụng thang đo SDQ thì cho thấy, ở cả 5 vấn đề của bảng hỏi đều có số lượng sinh viên nằm trong khoảng ranh giới và có rối loạn cao hơn so với không có rối loạn. Đây là vấn đề cần được quan tâm, chú ý.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đặng Hoàng Minh, Nguyễn Cao Minh, Trần Thành Nam (2019), *Chương trình chăm sóc sức khỏe tâm thần dựa vào trường học – Lý luận và Thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Trần Tuấn (2006), “Đánh giá độ nhạy và độ đặc hiệu của bộ câu hỏi SDQ25 sử dụng trong chẩn đoán sàng lọc rối nhiễu tâm trí trên đối tượng trẻ em 4-16 tuổi tại Việt Nam”, *Báo cáo nghiệm thu đề tài cấp bộ*, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, tháng 3/2006.
3. Andreas Becker (2007), “Strengths and Difficulties Questionnaire (SDQ) Evaluations and application”, *University of Göttingen, Germany*.

(Bài nộp ngày 8/11/2022, Phản biện ngày 19/11/2022, duyệt in ngày 2/12/2022)

## **LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO**

### **2. TRƯƠNG QUỐC UYÊN**

Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối Thể dục thể thao các giai đoạn đầu thế kỷ XXI

**Truong Quoc Uyen**

The Communist Party of Vietnam sets out the line of Sports in the early stages of the 21st century

## **BÀI BÁO KHOA HỌC**

### **PHẦN 1.**

## **QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO VÀ THỂ DỤC THỂ THAO QUẦN CHÚNG**

### **6. NGUYỄN VĂN PHÚC; NGUYỄN VĂN TUẤN**

Thực trạng quản trị rủi ro trong hoạt động Thể dục thể thao ở Việt Nam

**Nguyen Van Phuc; Nguyen Van Tuan**

The current situation of risk management in sport activities in Vietnam

### **10. ĐINH QUANG NGỌC; NGUYỄN NGỌC TUẤN; NGUYỄN VĂN TUẤN**

Thực trạng môi trường văn hóa ở cơ sở tập luyện thể thao tại Trung tâm Huấn luyện Thể thao Quốc gia Đà Nẵng từ góc độ văn hóa phi vật thể

**Dinh Quang Ngoc; Nguyen Ngoc Tuan; Nguyen Van Tuan**

Actual situation of sports training facilities' cultural environment at the Danang National Sports Training Center from the perspective of intangible culture

### **15. NGUYỄN NHƯ QUỲNH; ĐẶNG HOÀI AN; NGÔ HỮU THẮNG**

Thực trạng thời gian tập luyện và công tác quản lý sinh hoạt nội vụ của vận động viên tại Trung tâm đào tạo vận động viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Nguyen Nhu Quynh; Dang Hoai An; Ngo Huu Thang**

Situation of athletes' management in internal activities at the Athlete Training Center, Bac Ninh Sports University

### **20. LÊ VĂN MẠNH**

Thực trạng và tiềm năng phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng tại phường Châu Khê, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

**Le Van Manh**

Current status and potential for the development of public sports movement in Chau Khe ward, Tu Son city, Bac Ninh province

### **25. LÝ ĐỨC TRƯỜNG; CHU THỊ MINH**

Giải pháp nâng cao thể lực cho sinh viên năm thứ hai Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam

**Ly Duc Truong; Chu Thi Minh**

Solutions to improve physical fitness for second-year students at the Vietnam National Academy of Music

### **30. NGUYỄN VĂN HÒA; NGUYỄN TIẾN SƠN**

Kết quả thực hiện chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng An ninh năm học 2021-2022 tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng an ninh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Nguyen Van Hoa; Nguyen Tien Son**

Results in implementing the National Defense and Security Education subject program in the school year 2021-2022 at the Center for National Defense and Security Education, Bac Ninh Sports University

### **37. LƯƠNG THỊ HÀ**

Biện pháp phát triển phong trào tập luyện Thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Ngành Sư phạm Mầm non Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

**Luong Thi Ha**

Measures to develop the students' extracurricular sports movement in the Faculty of Kindergarten Education, Hanoi National University of Education

### **41. TRỊNH THỊ BẢN**

Thực trạng tập luyện TDTT ở người cao tuổi tại huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

**Trinh Thi Ban**

Actual situation of sports practice of the elderly in Hung Nguyen district, Nghe An province

### **44. NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG; NGUYỄN THỊ VIỆT NGA; NGUYỄN VĂN HẢI; PHẠM THANH TÙNG; NGUYỄN KHẮC DƯỢC**

Thực trạng chất lượng giấc ngủ của người cao tuổi khu phố Mới, Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh

**Nguyen Thi Thuy Duong; Nguyen Thi Viet Nga; Nguyen Van Hai; Pham Thanh Tung; Nguyen Khac Duoc**

Current situation of the elderly's sleep quality in Pho Moi, Trang Ha, Tu Son, Bac Ninh

### **48. VŨ QUỲNH NHƯ; NGUYỄN ĐĂNG ĐIẾP**

Giải pháp đáp ứng nhu cầu xã hội trong đào tạo cử nhân Thể dục thể thao chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh đến năm 2025 và tầm nhìn 2030

**Vu Quynh Nhu; Nguyen Dang Diep**

Solutions to satisfy social requirements in educating Bachelor in Athletics, Physical Education and Sports major at Bac Ninh Sports University until 2025 with a vision to 2030

### **53. TRẦN QUỐC HÙNG; ĐẬU ANH TUẤN; NGUYỄN VĂN LUẬN**

Cơ sở xây dựng các môn thể thao dân tộc vào chương trình Giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

**Tran Quoc Hung; Dau Anh Tuan; Nguyen Van Luan**

Scientific basis for immigrating ethnic sports into the Physical Education program for pupils and university students in Lam Dong province

### **57. VŨ CHUNG THUY; MAI THỊ BÍCH NGỌC; NGUYỄN THANH TÙNG**

Thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân Thể dục thể thao chuyên ngành Võ – Quyền anh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh giai đoạn 2015-2019

**Vu Chung Thuy; Mai Thi Bich Ngoc; Nguyen Thanh Tung**

Status of social demand satisfaction of human resources having Bachelor's degree in Martial Arts - Boxing major at the Bac Ninh Sports University in the period 2015-2019

**61. DƯƠNG THÁI BÌNH**

Định hướng đổi mới chương trình môn học Giáo dục thể chất cho sinh viên không chuyên Trường Đại học Hồng Đức theo hướng đào tạo hướng dẫn viên Thể dục thể thao cấp cơ sở

**Duong Thai Binh**

Orientation to innovate the Physical Education curriculum for non-PE specialized students at Hong Duc University in the direction of training root-level sports instructors

**66. PHẠM ĐỨC VIỄN**

Thực trạng nội dung chương trình đào tạo cử nhân Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc

**Pham Duc Vien**

The current situation of Bachelor's degree training program content in Physical Education major at the Tay Bac University

**70. LÊ THỊ THANH THỦY; NGUYỄN TRỌNG BÓN; LƯU XUÂN THÁI**

Thực trạng nguồn nhân lực cử nhân TĐTT chuyên ngành Bóng ném, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Le Thi Thanh Thuy; Nguyen Trong Bon; Luu Xuan Thai**

The current situation of human resources having Bachelor's degree in Handball major at the Bac Ninh Sports University

**77. TRƯƠNG ĐỨC THẮNG; NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG; NGUYỄN SONG TUẦN HẢI**

Thực trạng kết quả đào tạo cử nhân ngành Y sinh học Thể dục thể thao tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Truong Duc Thang; Nguyen Thi Thuy Duong; Nguyen Song Tuan Hai**

The actual results in the Bachelor degree Education program in the Biomedicine and Sports major at Bac Ninh Sports University

**80. MAI THỊ BÍCH NGỌC; PHAN ĐỨC THẮNG**

Xu hướng phát triển và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cử nhân TĐTT chuyên ngành Võ – Quyền Anh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh giai đoạn 2025 tầm nhìn 2030

**Mai Thi Bich Ngoc; Phan Duc Thang**

Development tendency and demand forecast for human resources having Bachelor's degree in Martial Arts - Boxing major at the Bac Ninh Sports University in the period 2025 with a vision to 2030

**PHẦN 2. GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC**

**85. NGUYỄN MỸ VIỆT**

Thực trạng trình độ thể lực của học sinh các trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Tuyên Quang

**Nguyen My Viet**

The current state of physical fitness levels of high school students in Tuyen Quang city

**89. LƯƠNG LÊ NGỌC HẢI; LÊ QUỐC VIỆT; PHAN TRUNG KIÊN**

Lựa chọn bài tập phát triển sức bền tốc độ cho nam sinh viên đội Bóng đá Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân

**Luong Le Ngoc Hai; Le Quoc Viet; Phan Trung Kien**

Selection of exercises in order to develop speed endurance for male students in the National Economics University's football team

### 93. HOÀNG THỊ THÙY TRANG

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả huấn luyện kỹ thuật nhảy ném rổ cự ly xa của nam sinh viên Đội tuyển Bóng rổ Trường Đại học Điện lực

#### Hoang Thi Thuy Trang

Actual situation of factors affecting the training effectiveness of long-distance ball shooting technique for male students in Electric Power University's basketball team

### 97. NGÔ VĂN MẠNH

Lựa chọn biện pháp giáo dục định hướng giá trị lối sống cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

#### Ngo Van Manh

Choosing educational value-oriented lifestyle solutions for students at the University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

### 104. NGUYỄN VĂN TRUNG

Thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Học viện An ninh nhân dân

#### Nguyen Van Trung

The current situation of physical education works at the People's Security Academy

### 110. NGUYỄN KIÊM SAO; CHU ĐỨC HIỀN; NGUYỄN VĂN QUANG

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chung cho sinh viên học phần tự chọn Taekwondo Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân

#### Nguyen Kiem Sao; Chu Duc Hien; Nguyen Van Quang

Choosing exercises to develop general physical strength for students in Martial Arts - Taekwondo class at the National Economics University

### 114. HÀ MẠNH HƯNG

Tìm hiểu thực trạng hoạt động tự nghiên cứu khoa học của sinh viên K67 Khoa Giáo dục thể chất – trường Đại học Sư phạm Hà Nội

#### Ha Manh Hung

Research on the status of self-research activities of K67 students at the Faculty of Physical Education - Hanoi National University of Education

### 119. CHU XUÂN TIẾN

Thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến trình độ thể lực chung của nữ sinh viên Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

#### Chu Xuan Tien

Situation and causes affecting the general fitness level of female students at the University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

### 123. NGUYỄN XUÂN HƯỜNG

Thực trạng công tác giảng dạy và hiệu quả thực hiện kỹ thuật đánh bóng gậy sắt trung bình của sinh viên chuyên ngành Golf Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

#### Nguyen Xuan Huong

The current situation of teaching activities and the effectiveness of performing the ball hitting technique using medium iron bat of Golf-majoring students at Bac Ninh Sports University

### 128. VŨ THANH TÙNG

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ sức mạnh tốc độ cho nam học viên câu lạc bộ Karate Học viện An ninh nhân dân

#### Vu Thanh Tung

Developing standards used in assessing speed strength for male students at the Karate club, People's Security Academy

**131. ĐINH VĂN HẠNH**

Lựa chọn và ứng dụng bài tập phát triển thể lực chuyên môn Võ thuật Công an nhân dân cho nam học viên Học viện An ninh nhân dân

**Dinh Van Hanh**

Selecting and applying exercises to develop professional physical strength in Martial Arts subject for male students of People's Security Academy

**136. PHẠM TRƯỜNG NAM; HÀ THỊ LIÊN**

Thực trạng phong trào tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam – phân viện Miền Nam

**Pham Truong Nam; Ha Thi Lien**

The reality of the extracurricular sports movement of the Vietnam Youth Academy - Southern branch

**141. CAO NGỌC THÀNH**

Lựa chọn và ứng dụng bài tập nâng cao trình độ tập luyện môn Bóng rổ cho sinh viên Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

**Cao Ngoc Thanh**

Selecting and applying exercises in order to improve the level of skills in basketball training for students majoring in Physical Education at the Hong Duc University

**145. NGÔ QUANG TRUNG; ĐỖ THỊ THU THÚY**

Đề xuất biện pháp nâng cao hứng thú trong giờ học Giáo dục thể chất cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh Học viện Tài chính Hà Nội

**Ngo Quang Trung; Do Thi Thu Thuy**

Proposing measures to increase interest in Physical Education classes for students majoring in English Language at the Hanoi Academy of Finance

**150. VŨ THANH TÙNG**

Lựa chọn và ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam học viên câu lạc bộ Karate Học viện An ninh nhân dân

**Vu Thanh Tung**

Selecting and applying speed strength development exercises for male students at the Karate Club, People's Security Academy

**154. VÕ XUÂN THỦY; NGUYỄN MẠNH HÙNG; NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG**

Nâng cao năng lực dạy học thực hành môn Giáo dục thể chất theo hướng tiếp cận năng lực người học cho sinh viên Khoa Thể dục thể thao, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

**Vo Xuan Thuy; Nguyen Manh Hung; Nguyen Duc Truong**

Improving the teaching Physical Education proficiency in terms of practice, which follows the learner's ability approach, for students at the Faculty of Physical Education, University of Education - Thai Nguyen University

**158. LÊ VƯƠNG ANH; NGUYỄN DANH NAM**

Xây dựng tiêu chuẩn kiểm tra – đánh giá kết quả học tập thực hành cho sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai chuyên ngành Bóng bàn, Ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Le Vuong Anh; Nguyen Danh Nam**

Developing standards in testing and assessing learning outcomes in terms of practice for first-and second-year students majoring in Table Tennis and Sports Training at the Bac Ninh Sports University

### 162. TRẦN XUÂN GIANG

Thực trạng Chương trình tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông của sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

**Tran Xuan Giang**

Current situation of students' badminton extracurricular course at the University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

### 167. TRẦN THỊ HỒNG VIỆT

Hiệu quả ứng dụng các phương tiện hỗ trợ trong giảng dạy kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Tran Thi Hong Viet**

Effectiveness of applying teaching-aids in teaching basic table tennis techniques for non-PE specialized students at the Bac Ninh Sports University

### 173. TỐNG THỊ THU HIỀN; ĐÀO VĂN THĂNG

Ứng dụng biện pháp nâng cao hiệu quả dạy và học môn học Quản lý hành chính nhà nước cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Tong Thi Thu Hien; Dao Van Thang**

Applying measures to improve the teaching and learning efficiency in the State Administration subject for students at the Bac Ninh Sports University

### 178. NGUYỄN DUY HÙNG

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến phong trào tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên khối không chuyên Giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

**Nguyen Duy Hung**

The current situation of factors affecting the extracurricular sports movement of non-PE specialized students at the Hong Duc University

### 183. NGHIÊM THỊ GIANG; NGUYỄN TIẾN CHUNG; NGUYỄN VĂN THẠCH

Lựa chọn bài tập thể lực chuyên môn cho nam sinh viên chuyên ngành Vật năm thứ ba Ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Nghiem Thi Giang; Nguyen Tien Chung; Nguyen Van Thach**

Selecting exercises in order to develop professional fitness for third-year male students majoring in Wrestling, Sport Training at the Bac Ninh Sports University

### 187. PHẠM CAO CƯỜNG

Lựa chọn và ứng dụng bài tập phát triển thể lực chuyên môn cho nam sinh viên câu lạc bộ Cầu lông Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

**Pham Cao Cuong**

Selecting and applying exercises to develop professional fitness for male students in the Badminton club, University of Economics and Technical Industry

### 191. NGÔ THỊ THANH XUÂN

Ứng dụng biện pháp nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Ngo Thi Thanh Xuan**

Applying measures to improve student's soft skills at the Bac Ninh Sports University

### 197. VŨ MINH TÂN

Lựa chọn và ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên Câu lạc bộ Bóng rổ Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

**Vu Minh Tan**

Choosing and implementing exercises in order to develop speed strength for male students in the Basketball club, University of Economics and Technical Industry

**201. NGUYỄN XUÂN TRỌNG**

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chung cho nữ sinh viên Ngành Du lịch Trường Đại học Hồng Đức

**Nguyen Xuan Trong**

Choosing exercises to develop female students' general fitness at the Faculty of Tourism, Hong Duc University

**205. NÔNG VĂN ĐỒNG**

Lựa chọn bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên câu lạc bộ Cầu lông Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

**Nong Van Dong**

Choosing exercises to develop speed strength for male students in the Badminton club, University of Information and Communication Technology – Thai Nguyen University

**209. NGUYỄN THÀNH LONG**

Lựa chọn và đánh giá hiệu quả bài tập phát triển thể lực chuyên môn nội dung Nhảy xa cho nam sinh viên chuyên ngành Điền kinh, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Nguyen Thanh Long**

Selecting exercises and evaluating the effectiveness of those exercises in developing professional physical strength in long jumping for male students majoring in Athletics, Bac Ninh Sports University

**214. LÊ THỊ GIANG**

Thực trạng hoạt động tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Ngành Sư phạm Mầm non Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

**Le Thi Giang**

The current situation of students' extracurricular sports activities at the Faculty of Kindergarten Education, Hanoi National University of Education

**221. NGUYỄN THỊ DIỆP LY**

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chung cho nam sinh viên năm thứ nhất Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

**Nguyen Thi Diep Ly**

Selecting general physical development exercises for freshmen majoring in Physical Education, Hong Duc University

**226. ĐỒNG THỊ BÍCH HỒNG**

Lựa chọn và ứng dụng phương pháp tự học nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Dong Thi Bich Hong**

Selecting and applying self-study methods to improve the students' efficiency in learning the Theory and Methodology of Physical Education subject at Bac Ninh Sports University

**229. NGÔ HẢI HƯNG; NGÔ TRUNG DŨNG**

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận và trái tay cho sinh viên chuyên ngành Quần vợt năm thứ nhất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

## **BÀI BÁO KHOA HỌC**

### **Ngo Hai Hung; Ngo Trung Dung**

Developing standards to evaluate the effectiveness of forehand and backhand topspin technique of freshmen majoring in Tennis at Bac Ninh Sports University

### **232. NGUYỄN TIẾN THẮNG**

Thực trạng công tác dạy học môn Võ thuật Công An Nhân dân cho Học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân I

#### **Nguyen Tien Thang**

The current situation in teaching People's Police Martial Arts to students at the People's Police College I

### **238. NGÔ GIANG NAM**

Lựa chọn giải pháp phát triển phong trào thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học Y khoa Vinh

#### **Ngo Giang Nam**

Choosing solutions to develop students' extracurricular sports movements at Vinh Medical University

### **243. VŨ CÔNG LÂM; TRẦN THỊ NHU; TRẦN DUY THÀNH**

Ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh tốc độ đòn đá phản tống sau cho nam học sinh Đội tuyển Taekwondo Trường Trung học phổ thông Bình Thanh, Kiến Xương, Thái Bình

#### **Vu Cong Lam; Tran Thi Nhu; Tran Duy Thanh**

Application of exercises developing male student's speed strength in back kick in Taekwondo team, Binh Thanh High School, Kien Xuong, Thai Binh

### **247. NGUYỄN VĂN THẠCH; NGUYỄN THỊ KIM NGA**

Thực trạng và nguyên nhân dẫn đến các lỗi sai thường mắc trong thực hiện kỹ thuật tấn công khu vực trên lưới của sinh viên Chuyên ngành Cầu lông Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

#### **Nguyen Van Thach; Nguyen Thi Kim Nga**

The current situation and causes of students' common mistakes in the implementing on-net attack technique in Badminton major, Department of Physical Education, Bac Ninh Sports University

### **251. LÊ QUANG CHUNG**

Ứng dụng Tổ hợp bài tập Thể dục Aerobic nhằm nâng cao thể lực cho nữ sinh viên Ngành Quản trị Kinh doanh – Khách sạn nhà hàng Trường Đại học Khánh Hòa

#### **Le Quang Chung**

Application of aerobic exercise combination to improve fitness for female students in the Faculty of Business Administration - Hotel and Restaurants, Khanh Hoa University

### **255. PHẠM TUẤN HIỆP; LỘC ĐÌNH CƯƠNG; NGUYỄN XUÂN TUẤN**

Đề xuất biện pháp khai thác hiệu quả Internet và mạng xã hội phục vụ hoạt động học tập cho sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

#### **Pham Tuan Hiep; Loc Dinh Cuong; Nguyen Xuan Tuan**

Proposing measures to effectively exploit the Internet and social networks to serve learning activities for regular students at Bac Ninh Sports University

### **260. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG; VŨ XUÂN THỦY; NGUYỄN THÀNH TRUNG**

Thực trạng năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

**Nguyen Duc Trung; Vo Xuan Thuy; Nguyen Thanh Trung**

The current situation of career adaptability capacity of students majoring in Physical Education, Thai Nguyen University of Education

**267. CHU VƯƠNG THÌN; TRẦN VĂN HƯNG**

Ứng dụng bài tập phát triển sức bền tốc độ nội dung Chạy cự ly ngắn cho nam sinh viên ngành Giáo dục thể chất năm thứ nhất Trường Đại học Tây Nguyên

**Chu Vuong Thin; Tran Van Hung**

Application of exercises to develop endurance, speed, short distance running for male students majoring in Physical Education in the first year of Tay Nguyen University

**272. NGUYỄN VĂN TOÀN; CAO TRƯỜNG GIANG; LÊ TRỌNG ĐỘNG**

Đánh giá bộ đề kiểm tra giữa kỳ trắc nghiệm khách quan học phần Bóng rổ cho sinh viên Học viện Nông Nghiệp Việt Nam

**Nguyen Van Toan; Cao Truong Giang; Le Trong Dong**

Evaluation of the objective test midterm exam for the Basketball module for students of the Vietnam Academy of Agriculture

**278. PHÙNG ĐỨC THÀNH; NGUYỄN THỊ VIỆT ANGA**

Lựa chọn và đánh giá hiệu quả ứng dụng các bài tập phát triển sức mạnh tốc độ trong môn vượt vật cản cho học viên năm thứ 2 Trường Đại học Trần Quốc Tuấn (Trường Sĩ quan Lục quân 1)

**Phung Duc Thanh; Nguyen Thi Viet Nga**

Selecting and evaluating the effectiveness of applying exercises to develop strength and speed in obstacle course for 2nd year students of Tran Quoc Tuan University (Army Officer School 1)

**282. NGUYỄN XUÂN HƯƠNG; NGUYỄN HOÀNG TUẤN CƯỜNG**

Lựa chọn bài tập nâng cao hiệu quả thực hiện kỹ thuật đánh bóng gậy sắt trung bình cho sinh viên chuyên ngành Golf Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Nguyen Xuan Huong; Nguyen Hoang Tuan Cuong**

Selecting exercises to improve the efficiency of hitting the average iron ball technique for students majoring in Golf, Bac Ninh Sports University

**286. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH; LÊ NGỌC NHUNG; NGÔ THÚY HƯƠNG**

Thực trạng học tập theo nhóm các môn học lý thuyết của sinh viên Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh

**Nguyen Thi Phuong Oanh; Le Ngoc Nhung; Ngo Thuy Huong**

Actual situation of group study of theoretical subjects of students at Bac Ninh Sports University

**291. ĐINH HÙNG TRƯỜNG; ĐẶNG HOÀI AN; TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO**

Thực trạng các phương pháp giảng dạy môn Cầu lông cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp

**Dinh Hung Truong; Dang Hoai An; Tran Thi Phuong Thao**

The current situation of teaching methods of badminton for students of the University of Industrial Economics and Technology

**295. LÊ NGỌC NHUNG**

Thực trạng năng lực sư phạm của sinh viên chuyên ngành Bóng rổ ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

## **BÀI BÁO KHOA HỌC**

### **Le Ngoc Nhung**

Current status of pedagogical capacity of students majoring in Basketball in the Physical Education major, Bac Ninh Sports University

### **299. DƯƠNG BÁ TUẤN**

Nghiên cứu bài tập phát triển thể lực chung cho nam sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

### **Duong Ba Tuan**

Research on general physical fitness development exercises for first-year male students at Hanoi University of Business and Technology

### **303. NGÔ HẢI HƯNG; TRẦN HUYỀN TRANG**

Lựa chọn phương tiện bổ trợ chuyên môn hoàn thiện kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận và trái tay cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Quần vợt ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

### **Ngo Hai Hung; Tran Huyen Trang**

Selecting professional supplementary aids to perfect the forehand and backhand topspin technique for freshmen majoring in Tennis, Physical Education at Bac Ninh Sports University

## **PHẦN 3. HUẤN LUYỆN THỂ THAO**

### **309. NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG; PHẠM TUẤN HIỆP**

Khảo sát kết quả thi đấu của Đội tuyển Điền kinh Việt Nam tại các kì Asiad giai đoạn 2010-2018

### **Nguyen Dai Duong; Pham Tuan Hiep**

Survey on the results of the Vietnam Athletics Team at the Asian Games in the 2010-2018 period

### **315. ĐẶNG HOÀI AN; ĐINH HÙNG TRƯỜNG**

Diễn biến trình độ thể lực của nữ vận động viên Vật Đới tuyển trẻ quốc gia trong chu kỳ huấn luyện năm

### **Dang Hoai An; Dinh Hung Truong**

Evolution of fitness level of female National Youth Team Wrestling athletes during the year training cycle

### **319. ĐẶNG VĂN DŨNG**

Xác lập nội dung và phân phối Chương trình Huấn luyện năm thứ hai, giai đoạn Huấn luyện ban đầu cho các câu lạc bộ Cờ vua chuyên nghiệp miền Bắc

### **Dang Van Dung**

Establish content and distribution of the Second Year Training Program, the Initial Training phase for Northern Professional Chess clubs

### **323. TRẦN TRUNG KHÁNH; DƯƠNG VĂN PHƯƠNG**

Thực trạng công tác huấn luyện sức bền chuyên môn cho nam VĐV lứa tuổi 13-14, Câu lạc bộ Quần vợt Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

### **Tran Trung Khanh; Duong Van Phuong**

Current status of professional endurance training for male tennis players aged 13-14 Thu Duc District, Ho Chi Minh City

**328. PHẠM TRƯỜNG NAM; HÀ THỊ LIÊN**

Nghiên cứu những lỗi sai thường mắc của nam vận động viên đội tuyển Bắn súng trẻ quốc gia Smolensk - Nga khi thực hiện Bắn súng ngắn hơi

**Pham Truong Nam; Ha Thi Lien**

Research on the common mistakes of male athletes from the Smolensk - Russia national youth shooting team when performing air pistol shooting

**333. NGUYỄN NGỌC TUẤN; NGUYỄN TIẾN CHUNG; NGUYỄN PHƯƠNG THẢO; VÕ VĂN CA**

Tương quan giữa phẩm chất ý chí và thành tích thi đấu của vận động viên chạy cự ly ngắn Đội tuyển Điền kinh trẻ Quốc gia Việt Nam tại Trung tâm Đào tạo vận động viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**Nguyen Ngoc Tuan; Nguyen Tien Chung; Nguyen Phuong Thao; Vo Van Ca**

Correlation between will quality and competition performance of short distance runners of Vietnam National Youth Athletics Team at Athlete Training Center of Bac Ninh Sports University

**337. NGUYỄN VIỆT HỒNG; NGÔ THỊ HOA**

Lựa chọn và ứng dụng bài tập nâng cao chất lượng đòn đá thấp (low kick) trong Muay Thái cho nữ vận động viên lứa tuổi 11 – 12 Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao Công an Nhân dân

**Nguyen Viet Hong; Ngo Thi Hoa**

Selection and application of exercises to improve the quality of low kicks in Muay Thai for female athletes aged 11-12, People's Public Security Sports Training and Competition Center

**341. TRƯƠNG THỊ HỒNG TUYỀN**

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chuyên môn nâng cao thành tích chạy 4x100m cho đội tuyển Điền kinh nữ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

**Truong Thi Hong Tuyen**

Choosing exercises to develop professional fitness to improve running performance 4x100m for the women's track and field team of Hanoi National University of Education

**345. LƯU PHAN XUÂN HOÀNG**

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực và kỹ thuật của nữ VĐV Đội tuyển trẻ Taekwondo tỉnh Khánh Hoà

**Luu Phan Xuan Hoang**

Developing standards for assessing physical fitness and technique of female athletes of Khanh Hoa province's Taekwondo youth team

**348. DƯƠNG VĂN PHƯƠNG; TRẦN TRUNG KHÁNH**

Lựa chọn bài tập phát triển sức bền chuyên môn cho nam VĐV lứa tuổi 13-14, câu lạc bộ Quần vợt Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**Duong Van Phuong; Tran Trung Khanh**

Choosing exercises to develop professional endurance for male tennis players aged 13-14 Thu Duc District, Ho Chi Minh City

## PHẦN 4. TÂM LÝ, Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO

**353. NGUYỄN HOÀNG MINH THUẬN; NGUYỄN THANH ĐẠM; NGUYỄN THỊ THANH TRÀ**

Sự biến đổi các chỉ số chức năng sinh lý của nữ vận động viên trẻ xe đạp đường trường tỉnh An Giang sau một năm tập luyện

## **BÀI BÁO KHOA HỌC**

**Nguyen Hoang Minh Thuan; Nguyen Thanh Dam; Nguyen Thi Thanh Tra**

Changes in physiological function indexes of young female road cyclists in An Giang province after one year of training

**357. LÊ XUÂN ĐIỆP; NGUYỄN LÊ MINH HUY; TRẦN ANH VƯƠNG; WANG XING**

Đánh giá sức khỏe tâm lý ở học sinh tiểu học - Nghiên cứu thử nghiệm cắt ngang tại Từ Sơn Bắc Ninh

**Le Xuan Diep; Nguyen Le Minh Huy; Tran Anh Vuong; Wang Xing**

Assessment of psychological health in primary school students - A cross-sectional trial in Tu Son Bac Ninh

**364. PHÙNG THỊ CÚC**

Thực trạng trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng

**Phung Thi Cuc**

The reality of psychological obstacles in learning activities of first-year students at Da Nang Sport University

**370. NGUYỄN NGỌC MINH**

Thực trạng sức khỏe tâm thần hậu Covid-19 của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội

**Nguyễn Ngọc Minh**

Post-Covid-19 mental health status of students at Vietnam National University, Hanoi

## **TIN TỨC, SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT**

**375. PHẠM TUẤN DŨNG**

Bài tập thể dục nâng cao sức khỏe tại văn phòng làm việc

**Pham Tuan Dung**

Exercise to improve health at the office

# THỂ LỆ VIẾT VÀ GỬI BÀI

**1** Tạp chí khoa học Đào tạo & Huấn luyện thể thao công bố và giới thiệu các bài viết về các lĩnh vực:

- Lý luận và thực tiễn TDTT đăng tải các quan điểm lý luận về đào tạo và huấn luyện thể thao, các vấn đề về TDTT trong thực tiễn, đồng thời là diễn đàn trao đổi các thông tin mới, kiến thức chuyên ngành về đào tạo, huấn luyện TDTT.

- Bài báo khoa học: Công bố kết quả nghiên cứu các công trình khoa học thuộc các lĩnh vực: Giáo dục thể chất và thể thao trường học; Huấn luyện thể thao; Quản lý TDTT và thể thao cho mọi người; Y sinh - dinh dưỡng TDTT và Tâm lý học TDTT.

- Tin tức - sự kiện và nhân vật TDTT đăng tải các tin tức, sự kiện hay tổng kết các sự kiện và các nhân vật tiêu biểu của TDTT.

Nội dung công bố chưa được gửi đăng ở bất kỳ bản tin, tạp chí nào khác trong nước và quốc tế.

**2** Bài viết được soạn thảo trên máy vi tính, bản thảo gửi đăng gồm một bản in chính và một bản điện tử. Bài viết dài không quá 10 trang A4 (font chữ Time New Roman hoặc .vntime, cỡ chữ 13, cách dòng 1.5 lines, lề trái 3cm, lề phải 2 cm, lề trên và dưới 2.5cm). Hình vẽ minh họa hoặc ảnh (nếu có) trình bày với kích thước không quá 7x14cm. Minh họa được chia làm hai loại: Hình và bảng. Bản thảo nếu có minh họa phải đặt đúng vị trí và chú thích rõ ràng.

**3** Bài viết, biên dịch được trình bày rõ ràng, dùng thuật ngữ khoa học, các đơn vị đo lường được sử dụng theo quy định do Nhà nước ban hành. Các thuật ngữ khoa học nếu chưa được việt hóa thì ưu tiên dùng nguyên bản tiếng Anh.

**4** Cấu trúc bài viết:

- Với bài viết thuộc phần 1 - Lý luận và thực tiễn TDTT và phần 3 - Tin tức, sự kiện và nhân vật cần ghi rõ tên tác giả, học hàm, học vị, đơn vị công tác và số điện thoại liên lạc để trao đổi nội dung bài viết và thông tin về tình hình sử dụng bài viết. Với các bài dịch, cần ghi rõ nguồn dịch.

- Với các bài báo khoa học cần đầy đủ các phần:  
 + Tên bài báo: (bằng tiếng Việt và tiếng Anh).  
 + Tác giả bài báo (ghi rõ học hàm, học vị, họ và tên, đơn vị công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc)  
 + Tóm tắt (bằng tiếng Việt và tiếng Anh).  
 + Từ khóa (bằng tiếng Việt và tiếng Anh).  
 + Đặt vấn đề  
 + Phương pháp nghiên cứu  
 + Kết quả nghiên cứu và bàn luận  
 + Kết luận  
 + Tài liệu tham khảo (Tài liệu tham khảo không quá 10 đơn vị, được trình bày theo quy định nghiên cứu khoa học hiện hành).

+ Nguồn bài báo (Bài báo được trích từ công trình nghiên cứu khoa học nào? cấp nào? đã hoàn thành chưa? Thời gian nghiệm thu?

Mỗi bài viết bằng tiếng Việt Nam khi đăng tải trên tạp chí nộp kinh phí là 700.000đ với số thường kỳ, 1.000.000đ với số đặc biệt và 100USD với bài đăng Tiếng Anh.

**5** Bài viết được gửi thường xuyên, không hạn chế về số lượng bài.

Tình hình sử dụng bài đăng sẽ được thông báo với tác giả thông qua số điện thoại trên bài viết. Bài không đăng không trả lại bản thảo.

**6** Mỗi tác giả được tặng 01 cuốn tạp chí có bài đăng.

Tạp chí khoa học Đào tạo & Huấn luyện thể thao không nhận đăng các bài viết không đúng với các quy định nói trên.

◆ Mọi giao dịch đề nghị liên lạc theo địa chỉ: Ban biên tập tạp chí khoa học Đào tạo & Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.

◆ Địa chỉ: Phường Trang Hạ, Thành phố Từ Sơn, Bắc Ninh. Điện thoại: 0222 2217765

TS. Mai Thị Bích Ngọc (0988 844943)

Email: tapchikhoahoc.upes1@gmail.com

◆ Tạp chí khoa học Đào tạo & Huấn luyện thể thao được in thành 1.500 cuốn, tại Công ty TNHH kỹ nghệ in Ngôi Sao. Địa chỉ: Số 2, tổ 45, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội. Nộp lưu chiều quý IV năm 2022.

Tap chí KHOA HỌC

**ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO**

**PHIẾU ĐẶT TẠP CHÍ**

Họ và tên: .....

Địa chỉ: .....

Tel: ..... Fax: .....

Từ số..... Đến số..... Số lượng..... Quyển/kỳ



**Tạp chí KHOA HỌC**

# **ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO**

**JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING**

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

**Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

ISSN 1859 - 4417

**SỐ ĐẶC BIỆT/2022**

